

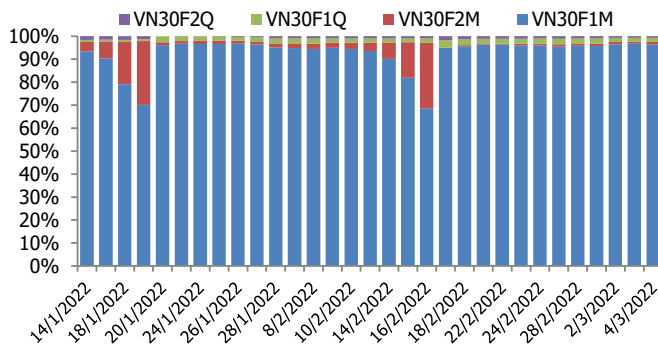
BIỂU ĐỒ VN30F1M TRONG NGÀY



THÔNG TIN MÃ HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

MÃ	Ngày đáo hạn	Số ngày	Đóng cửa	OI
VN30F2203	17/3/2022	12	1513.00	31,426
VN30F2204	21/4/2022	47	1512.00	351
VN30F2206	16/6/2022	103	1508.70	598
VN30F2209	15/9/2022	194	1508.30	225

TỶ TRỌNG VỊ THỂ MỞ GIỮA CÁC KỲ HẠN



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến cơ giạt, giằng co tiếp tục diễn ra trên thị trường phái sinh. Đóng cửa phiên giao dịch cuối tuần, các hợp đồng có sự phân hóa với mức dao động từ -4,5 đến +0,7 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 2,85 điểm. Do đó, basis của các HĐTL suy giảm so với phiên trước đó. Cụ thể, basis của VN30F2203 giảm xuống -12,34 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2204 cũng giảm xuống -13,34 điểm vào cuối phiên giao dịch. Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm so với phiên liền trước, đạt 111.863 hợp đồng được khớp lệnh. Khối ngoại mua ròng HĐTL tháng 03 với 725 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 6.015 hợp đồng.
- Thị trường cơ sở vẫn duy trì xu hướng đi ngang nhưng đã tích cực hơn nhờ thanh khoản gia tăng. Dòng tiền xoay vòng giữa các nhóm dẫn dắt như: ngân hàng, chứng khoán, thép, bất động sản,... tuy vậy giao dịch sôi động hơn cả là nhóm cổ phiếu hàng hóa cơ bản cũng như nhóm cổ phiếu đầu cơ. Nhà đầu tư tiếp tục tìm kiếm cơ hội ở nhóm cổ phiếu được hưởng lợi từ căng thẳng địa chính trị và bỏ qua ảnh hưởng từ chỉ số chung. Về kỹ thuật, chỉ số VN-Index đã tăng 4/5 tuần vừa qua, ngược dòng so với các chỉ số trong khu vực cũng như trên thế giới. Dù chỉ số đi ngang nhưng đã có nhiều nhóm cổ phiếu đã vượt đỉnh kể từ đầu năm. Với thanh khoản đã tăng như trong tuần này, nhiều khả năng thị trường sẽ có cơ hội kiểm định lại vùng đỉnh cũ ở 1.536 điểm trong tuần sau.
- Dao động trong biên độ đang là lợi thế của hoạt động giao dịch ngắn hạn trên thị trường phái sinh. Khi mẫu hình vận động giá chưa tạo ra điểm tựa đảo chiều vững chắc thì nhà đầu tư tiếp tục lựa chọn phương pháp giao dịch trading tận dụng các nhịp rung lắc điều chỉnh. Vùng giá mở lệnh Mua cân nhắc là 1509-1512 điểm, ngưỡng quản trị rủi ro là 1505 điểm, và bán chốt lời nếu giá tăng trở lại kháng cự mạnh 1518-1521 điểm. Đối với vị thế trung hạn, quan sát phản ứng trong những phiên giao dịch tới, chờ đợi nền giá hoặc mẫu hình giá ổn định hơn để đưa ra quyết định phù hợp.

CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

Chiến lược giao dịch trong ngày

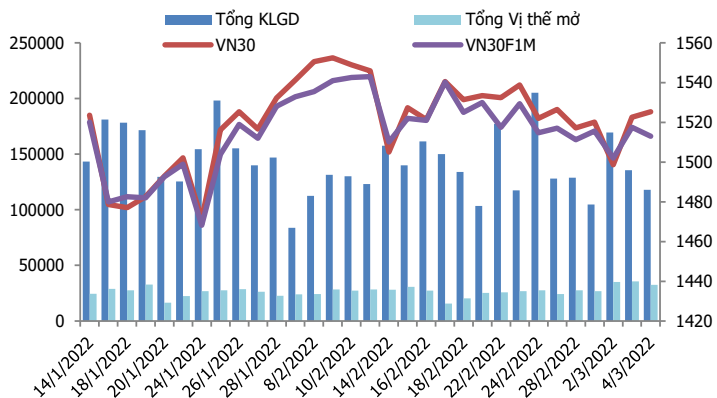
Nhà đầu tư nên quan sát mở lệnh mua mới khi giá điều chỉnh về vùng hỗ trợ 1509-1512 điểm và quản trị rủi ro nếu giá thủng mốc 1505 điểm, giá mục tiêu là vùng kháng cự mạnh 1518- 1521 điểm.

Chiến lược giao dịch ngắn hạn

Quan sát phản ứng trong những phiên giao dịch tới, chờ đợi nền giá hoặc mẫu hình giá ổn định hơn để đưa ra quyết định phù hợp.

Chiến lược giao dịch spread

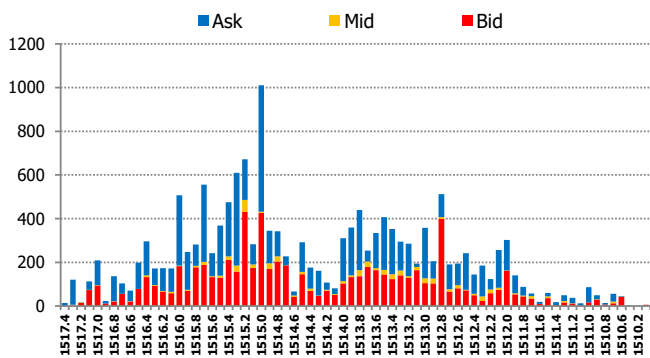
Nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.



DIỄN BIẾN CHỈ SỐ HĐTL CÁC KỲ HẠN

Hợp đồng	Giá	% Chg	KLGD	% Chg	OI	% Chg
VN30F2203	1513.0	-0.30	117,730	-12.9	31,426	-9.0
VN30F2204	1512.0	-0.18	141	-45.3	351	3.8
VN30F2206	1508.7	0.05	33	-41.1	598	-0.5
VN30F2209	1508.3	-0.11	18	-56.1	225	-2.2
Tổng			117,922	-13.0	32,600	-8.7

THANH KHOẢN THEO TỪNG MỨC GIÁ VN30F1M



NHẬN ĐỊNH DIỄN BIẾN GIAO DỊCH HĐTL

- Diễn biến co giãn, giằng co tiếp tục diễn ra trên thị trường phái sinh. Đóng cửa phiên giao dịch cuối tuần, các hợp đồng có sự phân hóa với mức dao động từ -4,5 đến +0,7 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 2,85 điểm.
- Tổng thanh khoản thị trường phiên nay giảm 17,48% so với phiên liền trước, đạt 111.863 hợp đồng được khớp lệnh, trong đó thanh khoản tập trung tại HĐTL tháng 03 với 111.671 hợp đồng. Khối ngoại tiếp tục mua ròng HĐTL tháng 03 với 725 hợp đồng, lũy kế mua ròng khoảng 6.015 hợp đồng.
- Giá lý thuyết (FV) MBS tính toán tham khảo phiên giao dịch tới cho hợp đồng VN30F2203 là 1.525,93 điểm (cao hơn 12,93 điểm so với giá thị trường). Tương tự, giá lý thuyết tham khảo cho hợp đồng VN30F2204 là 1.527,82 điểm (+15,82 điểm), VN30F2206 là 1.530,86 điểm (+22,16 điểm) và VN30F2209 là 1.535,79 điểm (+27,49 điểm).

XU HƯỚNG CHỈ SỐ VN30F1M

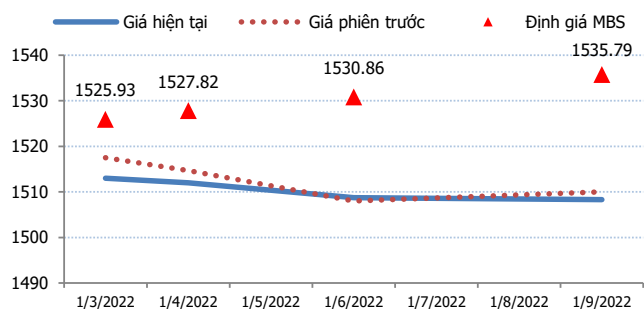
Khung thời gian	15m	1h	Daily
Tổng kết	SELL	NEUTRAL	BUY
Hỗ trợ	1509-1512	1505-1508	1486-1492
Kháng cự	1518-1521	1536-1539	1560-1569

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30F1M

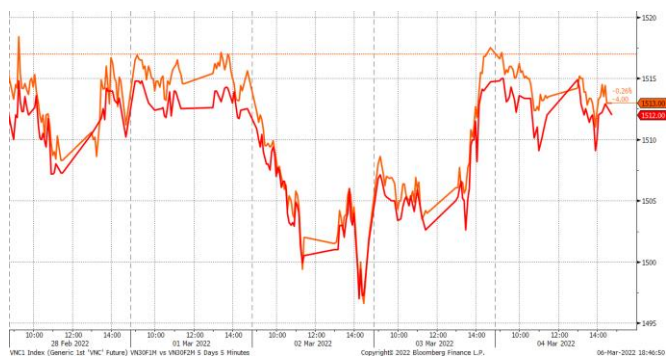


Spread HĐTL	Hiện tại	Phiên trước	+/-	MA5
VN30F2M - VN30F1M	-1	-2.80	1.8	-1.64
VN30F1Q - VN30F1M	-4.3	-9.50	5.2	-7.14
VN30F1Q - VN30F2M	-3.3	-6.70	3.4	-5.5
VN30F2Q - VN30F1M	-4.7	-7.50	2.8	-7.48
VN30F2Q - VN30F2M	-3.7	-4.70	1	-5.84
VN30F2Q - VN30F1Q	-0.4	2.00	-2.4	-0.34

ĐƯỜNG CONG GIÁ HĐTL CÁC KỲ HẠN



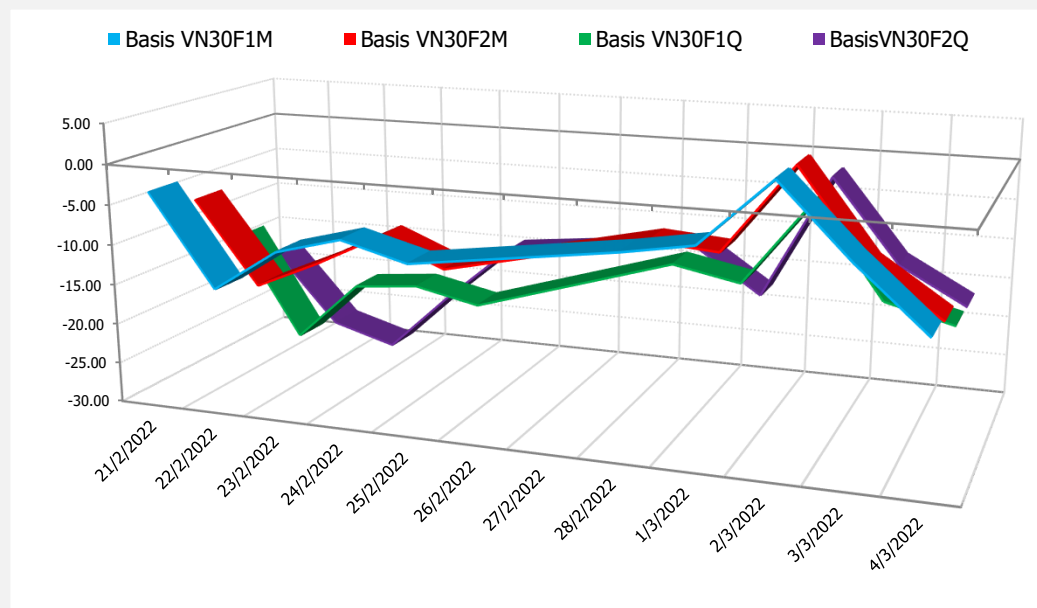
DIỄN BIẾN GIÁ HỢP ĐỒNG VN30F1M VÀ VN30F2M



NHẬN ĐỊNH CHÊNH LỆCH GIÁ HĐTL

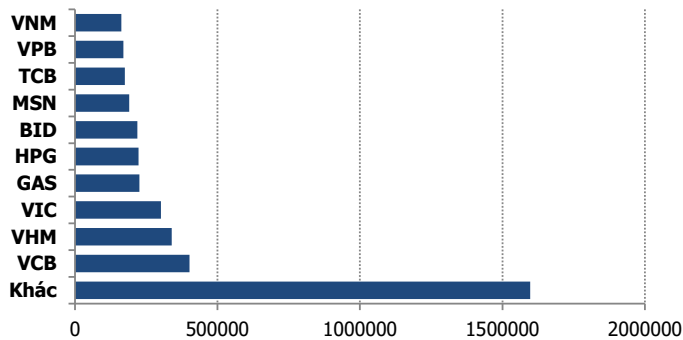
- Diễn biến co giập, giãng co tiếp tục diễn ra trên thị trường phái sinh. Đóng cửa phiên giao dịch cuối tuần, các hợp đồng có sự phân hóa với mức dao động từ -4,5 đến +0,7 điểm, trong khi chỉ số cơ sở tăng 2,85 điểm. Do đó, basis của các HĐTL suy giảm so với phiên trước đó. Cụ thể, basis của VN30F2203 giảm xuống -12,34 điểm trong khi basis hợp đồng VN30F2204 cũng giảm xuống -13,34 điểm vào cuối phiên giao dịch.
- Chênh lệch giá giữa các hợp đồng cuối phiên giao dịch hôm nay có xu hướng tăng, hiện nằm trong khoảng -4,7 điểm đến -0,4 điểm. Trong đó, chênh lệch giá hai hợp đồng kỳ hạn gần nhất (VN30F2203-VN30F2202) tăng thêm 1,8 điểm. Hiện tại, xu hướng chênh lệch giá giữa các cặp hợp đồng này chưa rõ ràng, do đó, nhà đầu tư có thể theo dõi thêm diễn biến các hợp đồng trước khi mở vị thế giao dịch spread mới phù hợp hơn.

DIỄN BIẾN BASIS CÁC HĐTL

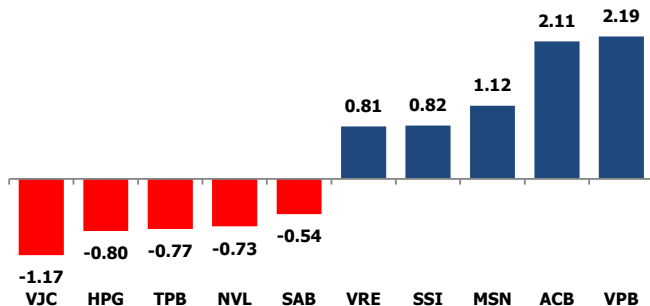


	VNIndex	VN30
Đóng cửa	1505.33	1525.34
Thay đổi	0.33	2.85
%Chg	0.02	0.19
YTD	0.47	-0.68
Vốn hóa (ngh.tỷ đồng)	5,951.89	4,005.07
P/E	17.16	13.99
P/B	2.65	2.71

TOP 10 CỔ PHIẾU VỐN HÓA TRONG VN30



CÁC MÃ ẢNH HƯỞNG LỚN NHẤT TỚI VN30-INDEX



NHẬN ĐỊNH CHỈ SỐ VN30

- Nhóm vốn hóa lớn hôm nay là nhân tố giúp các chỉ số chính duy trì đà tăng điểm. Tuy nhiên, số mã tăng điểm (14) ngang bằng so với số mã giảm điểm (14) và 2 mã đứng tham chiếu. VPB và ACB trở thành hai trụ đóng góp tích cực nhất tới đà tăng của VN30-Index với mức đóng góp lần lượt là +2,19 điểm và +2,11 điểm; ngoài ra MSN, SSI hay VRE cũng là những bluechips tăng điểm và kéo chỉ số VNI đóng cửa trên mốc tham chiếu.

Chốt phiên, chỉ số VN30 tăng 2,85 điểm (+0,19%) lên 1.525,34 điểm. Khối lượng giao dịch của nhóm VN30 đạt 248,37 triệu cổ phiếu tương ứng giá trị 11.302 tỷ đồng.

Khối ngoại tiếp tục mua ròng với 521,9 tỷ đồng trên toàn thị trường. Trong đó, lực mua tập trung ở các mã như VPB (+891 tỷ đồng), MSN (+72 tỷ đồng), PNJ (+70 tỷ đồng), DXG (+66 tỷ đồng), DCM (+65 tỷ đồng).

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN30



Chỉ số	Điểm số	%Chg	P/E	YTD
VNIndex	1,505.33	0.02	17.16	0.47
Dow Jones	33,614.80	(0.53)	17.81	(7.49)
S&P500	4,328.87	(0.79)	22.23	(9.18)
Nikkei 225	25,985.47	(2.23)	14.87	(9.75)
Shanghai	3,447.65	(0.96)	14.77	(5.28)
DAX	13,094.54	(4.41)	11.74	(17.57)
Vàng	1,970.70	1.80		7.74
Dầu WTI	115.68	7.44		53.81

LỊCH THÔNG TIN KINH TẾ THẾ GIỚI

	Kỳ trước	Dự báo	Thực tế
Thứ Hai - 28/02/2022			
Úc - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng) (Tháng 1)	-4.4%	0.4%	1.8%
Thứ Ba - 01/03/2022			
Trung Quốc - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 2)	50.1	49.9	50.2
Trung Quốc - Chỉ số PMI sản xuất của Caixin (Tháng 2)	49.1	49.5	50.4
Úc - Quyết định lãi suất (Tháng 3)	0.10%	0.10%	0.10%
Đức - Chỉ số PMI sản xuất (Tháng 2)	59.8	58.5	58.4
Anh - Chỉ số quản lý thu mua (PMI) - Sản xuất (Tháng 2)	57.3	57.3	58.0
Canada - Tổng GDP (tháng/tháng) (Tháng 12)	0.6%	0.1%	0.0%
Mỹ - Chỉ số PMI sản xuất của ISM (Tháng 2)	57.6	58.0	58.6
Thứ Tư - 02/03/2022			
Úc - Tổng GDP (quý/quý) (Quý 4)	-1.9%	-2.7%	3.4%
Đức - Thay đổi thất nghiệp (Tháng 2)	-48K	-23K	-33K
Châu Âu - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) (năm/năm) (Tháng 2)	5.1%	5.3%	5.8%
Mỹ - Thay đổi việc làm phi nông nghiệp ADP (Tháng 2)	509K	378K	475K
Canada - Quyết định lãi suất	0.25%	0.50%	0.50%
Mỹ - Dự trữ dầu thô	4.515M	2.748M	-2.597M
Thứ Năm - 03/03/2022			
Anh - Chỉ số quản lý sức mua hỗn hợp (Tháng 2)	54.2	60.2	59.9
Anh - Chỉ số PMI dịch vụ (Tháng 2)	54.1	60.8	60.5
Mỹ - Đề nghị trợ cấp thất nghiệp lần đầu	233K	226K	215K
Mỹ - Chỉ số PMI phi sản xuất của ISM (Tháng 2)	59.9	61.0	56.5
Thứ Sáu - 04/03/2022			
Úc - Doanh số bán lẻ (tháng/tháng)	-4.4%	1.8%	1.8%
Anh - PMI xây dựng (Tháng 2)	56.3	54.3	59.1
Mỹ - Bảng lương phi nông nghiệp (Tháng 2)	481K	400K	678K
Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp (Tháng 2)	4.0%	3.9%	3.8%
Canada - Chỉ số PMI Ivey (Tháng 2)	50.7	54.2	60.6

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THẾ GIỚI

- Chứng khoán Mỹ giảm điểm bất chấp báo cáo việc làm tốt hơn dự kiến do những diễn biến đáng lo ngại ở Ukraine gây áp lực lên tâm lý thị trường. Đóng cửa, chỉ số Dow Jones rớt 179,86 điểm (-0,53%) xuống 33.614,80 điểm. Chỉ số S&P 500 lùi 0,79% xuống 4.328,87 điểm, trong khi chỉ số Nasdaq Composite mất 1,66% còn 13.313,44 điểm. Chỉ số Dow Jones, vốn đã sụt hơn 500 điểm ở mức thấp nhất trong phiên, ghi nhận 4 tuần lao dốc liên tiếp.
- Giá dầu vọt 7% trong phiên đầy biến động khi sự gián đoạn xuất khẩu của Nga do các lệnh trừng phạt của phương Tây đã lấn át những hy vọng có nhiều nguồn cung từ Iran bơm vào thị trường nếu Washington đạt được thỏa thuận hạt nhân với Iran. Kết phiên, hợp đồng dầu Brent tiến 7,65 USD (+6,9%) lên 118,11 USD/thùng. Hợp đồng dầu WTI cộng 8,01 USD (+7,4%) lên 115,68 USD/thùng.
- Khép phiên, hợp đồng palladi giao ngay vọt 6,1% lên 2.943,56 USD/oz, sau khi tăng lên 2.970,50 USD/oz, mức cao chưa từng thấy kể từ tháng 5/2021. Trong khi đó, hợp đồng vàng giao ngay tiến 1% lên 1.954,53 USD/oz và tăng 3,5% từ đầu tuần đến nay. Hợp đồng vàng tương lai cộng 1,1% lên 1.956,70 USD/oz.

NHẬN ĐỊNH CỔ PHIẾU BIẾN ĐỘNG MẠNH TRONG VN30

Xét về mức độ ảnh hưởng, bộ 3 VPB, ACB và MSN là những nhân tố chính giúp chỉ số VN30 tiếp tục tăng điểm. Trong đó, VPB đóng góp +2,19 điểm cho chỉ số VN30.



DANH MỤC CỔ PHIẾU TRONG VN30

Cổ phiếu	Ngành	Tỷ trọng (%)	Giá	%Chg	H-L	GTGD	Điểm tác động	PE	PB
HPG	Metals & Mining	8.69	49,800	-0.60	3.01%	1680.694	-0.80	7.03	2.65
VPB	Banks	8.41	38,100	1.74	4.01%	1804.387	2.19	13.70	2.72
TCB	Banks	8.09	49,950	0.60	1.82%	351.033	0.74	10.06	2.00
VIC	Real Estate Management & Development	5.84	79,000	0.00	1.93%	298.849	0.00	63.30	2.96
VHM	Real Estate Management & Development	5.64	77,900	-0.13	1.68%	319.082	-0.11	8.77	2.97
ACB	Banks	5.59	34,300	2.54	3.94%	232.434	2.11	9.53	2.18
MSN	Food Products	5.40	161,300	1.38	3.04%	193.279	1.12	79.42	8.85
FPT	Electronic Equipment, Instruments & Components	5.12	93,500	0.11	0.86%	125.592	0.08	21.04	5.00
MBB	Banks	4.85	32,900	-0.60	2.15%	369.737	-0.45	11.19	2.22
VNM	Food Products	4.62	77,900	-0.64	0.77%	195.987	-0.45	17.27	5.24
MWG	Specialty Retail	4.46	135,800	-0.51	1.49%	145.276	-0.35	22.15	5.15
STB	Banks	4.07	32,000	0.47	3.33%	425.853	0.29	17.11	1.81
NVL	Real Estate Management & Development	3.69	77,000	-1.28	2.60%	303.218	-0.73	40.30	4.24
VCB	Banks	3.14	84,900	-0.70	0.83%	89.98	-0.34	19.02	3.67
HDB	Banks	2.77	28,000	-0.88	1.79%	103.506	-0.38	9.95	2.02
TPB	Banks	2.74	40,750	-1.81	3.09%	209.734	-0.77	12.41	2.60
VJC	Airlines	2.68	139,400	-2.79	2.44%	97.464	-1.17	61.39	4.46
SSI	Capital Markets	2.27	46,600	2.42	3.16%	960.997	0.82	21.45	3.39
VRE	Real Estate Management & Development	1.70	33,750	3.21	5.10%	402.486	0.81	35.39	2.51
CTG	Banks	1.67	32,750	0.46	1.70%	193.637	0.12	9.49	1.66
KDH	Real Estate Management & Development	1.62	54,600	0.00	1.84%	87.901	0.00	29.41	3.59
PNJ	Textiles, Apparel & Luxury Goods	1.46	106,200	2.12	4.09%	168.223	0.46	25.20	4.34
PDR	Capital Markets	1.27	90,500	2.84	5.23%	377.944	0.53	24.26	6.32
GAS	Gas Utilities	0.80	118,000	-2.24	1.69%	185.237	-0.28	27.55	4.59
SAB	Food Products	0.80	160,000	-4.25	3.75%	18.208	-0.54	27.20	4.83
POW	Independent Power and Renewable Electricity Produce	0.72	17,300	0.58	2.62%	273.265	0.06	13.96	1.34
BID	Banks	0.62	43,300	1.17	2.35%	71.367	0.11	22.24	2.64
PLX	Oil, Gas & Consumable Fuels	0.55	61,100	-2.71	2.13%	175.372	-0.23	23.06	3.16
GVR	Real Estate Management & Development	0.41	36,000	-0.83	2.94%	113.774	-0.05	28.93	2.93
BVH	Beverages	0.31	59,700	1.19	3.08%	74.495	0.06	24.14	2.08

STT	Thông tin cơ bản HĐTL VN30	Đặc điểm sản phẩm
1	Mã hợp đồng	VN30F-yy-mm
2	Tài sản cơ sở	Chỉ số cổ phiếu VN30
3	Hệ số nhân hợp đồng	100.000 đồng
4	Quy mô 01 hợp đồng	100.000 đồng * Điểm chỉ số VN30
5	Tháng đáo hạn	-Tháng hiện tại - Tháng tiếp theo - Hai tháng cuối 2 quý gần nhất
6	Phương thức giao dịch	- Giao dịch khớp lệnh; Giao dịch thỏa thuận
7	Thời gian giao dịch	GD Khớp lệnh định kỳ - ATO: 08h45 - 09h00 - ATC: 14h30 - 14h45
		GD khớp lệnh liên tục - Sáng: 09h00 - 11h30 - Chiều: 13h00 - 14h30
		GD Thỏa thuận - 08h45 - 14h45
8	Các loại lệnh giao dịch	LO, MOK, MAK, MTL, ATO, ATC.
9	Nguyên tắc khớp lệnh	Ưu tiên giá và thời gian.
10	Khối lượng giao dịch tối thiểu/lệnh	01 hợp đồng
11	Khối lượng giao dịch tối đa/lệnh	500 hợp đồng
12	Đơn vị yết giá/ Bước giá	0,1 điểm chỉ số = 0,1 * 100.000 = 10.000 đồng
13	Biên độ dao động	+/- 7%
14	Ngày giao dịch cuối cùng	Thứ 5 của tuần thứ 3 của tháng đáo hạn. Nếu rơi vào ngày nghỉ lễ thì sẽ được điều chỉnh lên ngày giao dịch liền trước.
15	Ngày thanh toán cuối cùng	Ngày làm việc liền sau ngày giao dịch cuối cùng.
16	Phương thức thanh toán	Thanh toán bằng tiền
17	Giá thanh toán hàng ngày	Giá hợp đồng phái sinh do HNX xác định để tính toán giá trị lãi/lỗ phát sinh cuối ngày của từng hợp đồng.
18	Giá thanh toán cuối cùng	Giá đóng cửa của chỉ số VN30 tại ngày giao dịch cuối cùng của HĐTL.
19	Giá tham chiếu	Giá thanh toán cuối ngày của hợp đồng tương lai trong ngày giao dịch liền trước.
20	Mở tài khoản	Nhà đầu tư cần có 2 tài khoản để tham gia giao dịch phái sinh: 1 tài khoản giao dịch tại các CTCK là thành viên giao dịch CKPS và 1 tài khoản ký quỹ tại các CTCK là thành viên bù trừ CKPS.
21	Giới hạn vị thế nắm giữ tối đa trên 1 TK	NĐT Chứng khoán chuyên nghiệp: 20.000 hợp đồng; NĐT tổ chức: 10.000 hợp đồng; NĐT cá nhân: 5.000 hợp đồng
22	Mức ký quỹ ban đầu	Tài sản nhà đầu tư phải đặt cọc với công ty môi giới đối với mỗi hợp đồng trước khi giao dịch. VSD quy định tỷ lệ ký quỹ ban đầu là 10% quy mô hợp đồng nhưng để phòng ngừa rủi ro, các CTCK thường yêu cầu mức ký quỹ cao hơn.
23	Mức ký quỹ duy trì	Tài sản ký quỹ tối thiểu trong TK đối với mỗi vị thế mở mà nhà đầu tư đang nắm giữ, thường ít hơn so với mức ký quỹ ban đầu.
24	Ký quỹ bổ sung	Nộp tài sản bổ sung để số dư TK ký quỹ không thấp hơn mức ký quỹ duy trì hoặc đóng bớt vị thế trên TK để đảm bảo tiếp tục giao dịch.
25	Thoát khỏi hợp đồng tham gia	Nhà đầu tư nắm giữ vị thế hợp đồng cho đến thời điểm đáo hạn hoặc thoát khỏi vị thế trước thời điểm đáo hạn bằng cách đặt một/nhiều lệnh tại vị thế đối nghịch với vị thế trước đó.

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH NHIỆM

Bản quyền năm 2017 thuộc về Công ty CP Chứng khoán MB (MBS). Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và MBS không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Quan điểm thể hiện trong báo cáo này là của (các) tác giả và không nhất thiết liên hệ với quan điểm chính thức của MBS. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay khuyến nghị mua/bán bất kỳ chứng khoán nào. Báo cáo này không được phép sao chép, tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của MBS.

MBS HỘI SỞ

Tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: +84 24 3726 2600 - Fax: +84 24 3726 2601

[Webiste: www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

Hotline: **1900 9088**

KHỐI NGHIÊN CỨU | PHÒNG NGHIÊN CỨU KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Trần Hoàng Sơn	Trưởng bộ phận/Kiểm soát	son.tranhoang@mbs.com.vn
Phạm Văn Quỳnh	Chuyên viên nghiên cứu	quynh.phamvan@mbs.com.vn
Đinh Việt Long	Chuyên viên nghiên cứu	long.dinhviet@mbs.com.vn